

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THUẬN LỢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *16* /NQ-HĐND

Thuận Lợi, ngày *25* tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025
trên địa bàn xã Thuận Lợi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THUẬN LỢI
KHOÁ XII - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai về kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-STC ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2025 (sau sắp xếp);

Căn cứ Công văn số 178/STC-NSNN ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc dự toán ngân sách nhà nước các xã, phường sau sắp xếp;

Căn cứ Công văn số 353/STC-NSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn bổ sung một số nhiệm vụ về xây dựng dự toán và công tác kế toán - tài chính xã, phường;

Căn cứ Công văn số 7450/UBND-KTNS ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc chủ động điều hành ngân sách 03 tháng cuối năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã về thông qua dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn xã Thuận Lợi;

Xét tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã; Báo cáo thẩm tra số 27/BC-HĐND-BKTNS ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn xã Thuận Lợi, như sau:

1. Dự toán thu

Tổng thu NSNN: 2.391 triệu đồng

Trong đó:

- Thu ngân sách được hưởng 100%: 482 triệu đồng

Gồm:

+ Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 140 triệu đồng

+ Thu khác: 251 triệu đồng

- Các khoản thu được điều tiết: 1.909 triệu đồng

Gồm:

+ Thu thuế giá trị gia tăng: 908 triệu đồng

+ Thu lệ phí trước bạ: 1.001 triệu đồng

2. Dự toán chi

Tổng chi ngân sách địa phương: 164.909 triệu đồng

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 15.345 triệu đồng

- Chi thường xuyên: 102.273 triệu đồng

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 36.561 triệu đồng

- Chi dự phòng: 2.500 triệu đồng

- Chi ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu: 6.916 triệu đồng

- Chi chuyển nguồn: 1.313 triệu đồng

- Chi kết dư: 1.040.000 đồng

3. Cân đối ngân sách địa phương 2025

(1) Tổng thu cân đối ngân sách địa phương: 164.909 triệu đồng

Trong đó:

- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 1.518 triệu đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 162.077 triệu đồng

- Thu chuyển nguồn: 1.313 triệu đồng

- Thu kết dư: 1.040.000 đồng

(2) Tổng chi ngân sách địa phương: 164.909 triệu đồng

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết theo thẩm quyền.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi khoá XII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- UBND, BTTUBMTTQVN xã;
- Các Tổ đại biểu HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan chuyên môn của UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Minh Thúy



Dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

ĐVT: Đồng

S T T	Nội dung	Dự toán theo Nghị quyết 40/NQ-HĐND tỉnh giao		Dự toán theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND xã thông qua		Thực hiện đến ngày 31/10 2025		Dự kiến điều chỉnh năm 2025		So sánh (%)			
		Thu NSNN	Thu NSDP được hưởng	Thu NSNN	Thu NSDP được hưởng	Thu NSNN	Thu NSDP được hưởng	Thu NSNN	Thu, chi NSDP được hưởng	So sánh thực hiện 10 tháng		So sánh DT điều chỉnh năm 2025	
										DT tỉnh giao	DT HĐND thông qua	DT tỉnh giao	DT HĐND thông qua
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=8/4	12=7/5	13=9/3 (5)	14=10/6 (6)
A	TỔNG THU	2.391.000.000	122.644.220.000	2.391.000.000	131.170.220.000	13.339.738.073	129.593.918.434	2.391.000.000	164.909.115.313	558%	558%	134%	126%
I	Các khoản thu cân đối NS	2.391.000.000	1.518.220.000	2.391.000.000	1.518.220.000	13.339.738.073	2.973.634.429	2.391.000.000	1.518.220.000	558%	558%	100%	100%
1	Thu từ khu vực CTN - NQD (Thuế GTGT) 59%	908.000.000	535.720.000	908.000.000	535.720.000	8.630.232.568	595.755.617	908.000.000	535.720.000	950%	950%	100%	100%
2	Thu lệ phí trước bạ (50%)	1.001.000.000	500.500.000	1.001.000.000	500.500.000	2.509.269.267	721.551.463	1.001.000.000	500.500.000	251%	251%	100%	100%
3	Thuế SDĐ phi nông nghiệp (100%)	140.000.000	140.000.000	140.000.000	140.000.000	360.253.223	0	140.000.000	140.000.000	257%	257%	100%	100%
4	Thu phí, lệ phí (100%)	91.000.000	91.000.000	91.000.000	91.000.000	498.178.000	498.178.000	91.000.000	91.000.000	547%	547%	100%	100%
5	Thu khác ngân sách	251.000.000	251.000.000	251.000.000	251.000.000	967.300.425	783.644.759	251.000.000	251.000.000	385%	385%	100%	100%
6	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản (dự toán không giao)					374.504.590	374.504.590		-	0%	0%	0%	0%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	121.126.000.000	0	129.652.000.000	0	125.306.556.750	0	162.077.168.058	103%	97%	134%	125%
1	Bổ sung cân đối		121.126.000.000		121.126.000.000	0	100.938.333.334	0	121.126.000.000	83%	83%	0%	100%
2	Bổ sung có mục tiêu				8.526.000.000	0	24.368.223.416	0	40.951.168.058	0%	0%	0%	480%
III	Thu chuyển nguồn				1.312.687.255	0	1.312.687.255	0	1.312.687.255	0%	0%	0%	100%
IV	Thu kết dư				1.040.000	0	1.040.000	0	1.040.000	0%	0%	0%	100%
B	TỔNG CHI	0	122.644.000.000	0	131.170.000.000	0	113.949.473.342	0	164.909.115.313	93%	87%	134%	126%
1	Chi đầu tư phát triển		7.035.000.000		7.035.000.000		6.894.000.000		15.345.000.000	0%	193%	0%	218%
2	Chi thường xuyên		77.938.000.000		77.938.000.000		96.921.842.842	-	102.273.048.620	124%	124%	131%	131%
	Chi quốc phòng				3.160.000.000		2.701.895.191		3.160.000.000	0%	86%	0%	100%
	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				2.544.000.000		2.127.867.091		2.544.000.000	0%	84%	0%	100%
	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề				50.716.000.000		53.036.498.690		50.716.000.000	0%	105%	0%	100%
	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể				15.443.000.000		32.825.959.244		32.756.000.000	0%	213%	0%	212%

S T T	Nội dung	Dự toán theo Nghị quyết 40/NQ- HDND tỉnh giao		Dự toán theo Nghị quyết số 14/NQ- HDND xã thông qua		Thực hiện đến ngày 31/10 2025		Dự kiến điều chỉnh năm 2025		So sánh (%)			
		Thu NSNN	Thu NSDP được hưởng	Thu NSNN	Thu NSDP được hưởng	Thu NSNN	Thu NSDP được hưởng	Thu NSNN	Thu, chi NSDP được hưởng	So sánh thực hiện 10 tháng		So sánh DT điều chỉnh năm 2025	
										DT tỉnh giao	DT HDND thông qua	DT tỉnh giao	DT HDND thông qua
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=8/4	12=7/5	13=9/3 (5)	14=10/6 (6)
	Chi đảm bảo xã hội				2.982.000.000		4.785.150.000		6.360.870.000	0%	160%	0%	213%
	Các nhiệm vụ chi thường xuyên khác				302.000.000		100.000.000		302.000.000	0%	33%	0%	100%
	- Sự nghiệp y tế				100.000.000				100.000.000	0%	0%	0%	100%
	- Chi hoạt động kinh tế				2.215.000.000		693.707.625		4.532.178.620	0%	31%	0%	205%
	- Sự nghiệp môi trường				100.000.000		602.029.001		1.426.000.000	0%	602%	0%	1426%
	- Chi thể dục, thể thao				337.000.000		36.544.000		337.000.000	0%	11%	0%	100%
	- Chi phát thanh, truyền hình				39.000.000		12.192.000		39.000.000	0%	31%	0%	100%
3	Chi tạo nguồn CCTL		35.171.000.000		35.171.000.000		4.371.815.500		36.561.339.438	0%	12%	0%	104%
	CCTL của xã				35.171.000.000		5.761.815.000		31.024.000.000	0%	16%	0%	88%
	CTTL tính cần trừ, bổ sung				0				5.537.339.438	0%	0%	0%	0%
4	Chi dự phòng		2.500.000.000		2.500.000.000				2.500.000.000	0%	0%	0%	100%
5	Tính bổ sung mục tiêu sau 15/6				8.526.000.000				6.916.000.000	0%	0%	0%	81%
5	Chi chuyển nguồn				0				1.312.687.255	0%	0%	-	100%
6	Chi kết dư				0				1.040.000	0%	0%	-	100%
C	Tồn quỹ (A-B)	0	0	0	0	0	15.644.445.092		0				

Ghi chú:

- Tạo nguồn cải cách tiền lương: 35.171.000.000 đồng (đã chi trả 178: 4.147.000.000 số còn lại 31.024.000.000 đồng) nguyên nhân chi từ CCTL chi trả 178. Do chênh lệch giữa xã Đồng Tâm và xã Thuận Lợi, xã Thuận Lợi dư 4.146.000.000 đồng nhu cầu chi trả chế độ 178 là: 5.537.339.438, STC đã cấp bù 1.390.339.438 đồng hụt 1.000.000 đồng nên giảm nguồn CCTL 1.000.000 đồng)
- Kinh phí bổ sung mục tiêu sau 15/6: 8.526.000.000



PHỤ LỤC II

Tổng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Lợi)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung bổ sung	Dự toán (+/-) năm 2025	Ghi chú
	TỔNG DỰ TOÁN ĐƯỢC BỔ SUNG (A+B)	32.425.168.058	
A	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	6.700.000.000	
1	Nâng cấp đường láng nhựa đường GTNT từ đường ĐT.741 đến nhà ông Minh ấp Thuận Hoà 1, xã Thuận Lợi	1.500.000.000	UBND tỉnh bổ sung vốn sau ngày 30/9/2025 tại Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 02/10/2025
2	Nâng cấp đường láng nhựa đường GTNT liên ấp Thuận An đi ấp Thuận Thành 2, xã Thuận Lợi (từ nhà ông Tâm Kim đến nhà ông Sơn)	5.200.000.000	UBND tỉnh bổ sung vốn sau ngày 30/9/2025 tại Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 02/10/2025
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	25.725.168.058	
1	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên cấp, bách trên địa bàn cho các xã, phường sau sắp xếp theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND tỉnh	3.000.000.000	
2	Bổ sung kinh phí Đại hội Đảng bộ xã theo Công văn 2927/UBND-KTNS ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh	700.000.000	
3	Bổ sung kinh phí cho ngân sách xã Thuận Lợi tại Công văn số 4317/UBND-KTNS ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh	15.632.000.000	
4	Bổ sung kinh phí cho các địa phương thực hiện tặng quà cho Nhân dân nhân dịp Kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc Khánh 2/9 theo Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh	2.353.400.000	
5	Bổ sung kinh phí Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo Công văn số 5250/UBND-KTNS ngày 12/9/2025 của UBND tỉnh	670.000.000	
6	Bổ sung kinh phí cho UBND xã, phường thực hiện mua sắm trang thiết bị và nâng cấp hệ thống tra cứu, bốc số, hiển thị thông tin tại Trung tâm Hành chính công cấp xã theo Công văn số 5831/UBND-KTNS ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh	450.000.000	
7	Bổ sung kinh phí chi trả cho các đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ (chỉ nghỉ việc cho 05 công chức: Tổng chi 5,537 tỷ đồng, Sở Tài chính hướng dẫn đã sử dụng nguồn CCTL 4,146 tỷ đồng từ chênh lệch với xã Đồng Tâm; số còn lại 1,390 tỷ đồng UBND tỉnh cấp bổ sung CCTL tỉnh tại Công văn số 7021/UBND-KTNS ngày 08/10/2025)	1.390.339.438	
8	Bổ sung kinh phí thực hiện mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung theo Công văn số 7624/UBND-KTNS ngày 16/10/2025 của UBND tỉnh	1.900.000.000	
9	Bổ sung kinh phí chi hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi bị thiệt hại do dịch tả lợn Châu Phi năm 2022 trên địa bàn xã Thuận Lợi theo Công văn số 8656/UBND-KTNS ngày 30/10/2025 của UBND tỉnh	1.817.178.620	

STT	Nội dung bổ sung	Dự toán (+/-) năm 2025	Ghi chú
10	Hoàn trả ngân sách kinh phí tặng quà cho nhân dân nhân dịp Kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc Khánh 2/9 theo Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đã nộp hoàn trả ngân sách (theo giấy nộp trả kinh phí Mẫu C2-05b/NS ngày 29/10/2025)	(48.000.000)	
11	Hoàn trả ngân sách kinh phí chi bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP	(3.639.750.000)	
12	Bổ sung kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ chi thường xuyên phát sinh cuối năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Công văn số 8495/UBND-KTNS ngày 28/10/2025 của UBND tỉnh, chi tiết cụ thể:	1.500.000.000	
-	Kinh phí hoạt động	300.000.000	
-	Kinh phí hoạt động	270.000.000	
-	Chiến dịch 90 ngày và đề xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai	50.000.000	
-	Kinh phí khen thưởng hàng năm và các hoạt động liên quan đến công tác khen thưởng	600.000.000	
-	Lĩnh vực Nội vụ, Văn hóa, truyền thông, thông tin, Y tế	250.000.000	
-	Bổ sung kinh phí hoạt động phục vụ chợ	30.000.000	